|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** |  |

**THUYẾT MINH DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM**

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN**

1. Tên dự án:

2. Mã số: (được cấp khi Hồ sơ trúng tuyển):

3. Thời gian thực hiện: …… tháng

(từ tháng…….năm 200…..đến tháng….năm 200…)

4. Tổng vốn thực hiện dự án:……………… triệu đồng,

Trong đó:

|  |  |
| --- | --- |
| Nguồn | Kinh phí (triệu đồng) |
| - Từ Ngân sách sự nghiệp khoa học |   |
| - Vốn tự có của tổ chức chủ trì |   |
| - Khác (liên doanh….) |   |

 5. Kinh phí thu hồi: (kinh phí thu hồi chỉ tính nguồn kinh phí từ NSNN hỗ trợ)

Kinh phí đề nghị thu hồi …….. triệu đồng (…..% kinh phí hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp khoa học).

Đợt 1: ................................ triệu đồng sau khi kết thúc....................... tháng,

Đợt 2:........................... triệu đồng sau khi kết thúc.............................. tháng

6. Chủ nhiệm dự án (họ, tên):............. Năm sinh…….Nam/nữ......................

Học hàm:................................................... Học vị...........................................

Chức danh khoa học:................................. Chức vụ:......................................

Điện thoại: Cơ quan....................... Nhà riêng: ………. Di động:..................

Fax: ........................................ Email.............................................................

Địa chỉ nhà riêng:............................................................................................

7. Thư ký dự án (họ, tên):................... Năm sinh………..Nam/nữ.................

Học hàm:..................................... Học vị........................................................

Chức danh khoa học:................................. Chức vụ......................................

Điện thoại: Cơ quan:.......................... Nhà riêng:……….Di động:................

Fax:............................................ Email...........................................................

Địa chỉ nhà riêng:............................................................................................

8. Cơ quan chủ trì dự án:.................................................................................

Tên cơ quan chủ trì dự án:...............................................................................

Điện thoại:................................................. Fax:............................................

E-mail:...................................................... Website:......................................

Địa chỉ:............................................................................................................

Họ và tên thủ trưởng cơ quan:.........................................................................

Số tài khoản:..................................................................................................

9. Cơ quan tham gia chính:

a) Tổ chức tham gia về công nghệ

Tên tổ chức chịu trách nhiệm về công nghệ:...................................................

Điện thoại:...................... Fax:……………… E-mail:....................................

Website:.................................................... Địa chỉ:.........................................

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:..........................................................................

Người chịu trách nhiệm chính về công nghệ của dự án:........................................

b) Tổ chức tham gia các công việc khác

Tên tổ chức:………………….. Điện thoại:………………Fax:.....................

E-mail:...................................................... Website:........................................

Địa chỉ:............................................................................................................

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.........................................................................

10. Cán bộ thực hiện dự án: (Ghi những người dự kiến đóng góp khoa học chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện dự án, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm dự án)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Tổ chức công tác** | **Nội dung công việc tham gia** | **Thời gian làm việc cho dự án**(Số tháng quy đổi[[2]](http://www.thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Quyet-dinh-59-2007-QD-BGDDT-Quy-dinh-quan-ly-du-an-san-xuat-thu-nghiem-cap-Bo-cua-Bo-Giao-duc-Dao-tao/58768/noi-dung.aspx%22%20%5Cl%20%22_ftn2#_ftn2" \o ")) |
| 1 |   |   |   |   |
| 2 |   |   |   |   |
| 3 |   |   |   |   |
| : |   |   |   |   |

11. Xuất xứ

[Ghi rõ xuất xứ của dự án từ một trong các nguồn sau:

- Từ kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (R&D) đã được Hội đồng khoa học và công nghệ các cấp đánh giá nghiệm thu, kiến nghị (tên đề tài các cấp, mã số, ngày tháng năm đánh giá nghiệm thu; kèm theo Biên bản đánh giá nghiệm thu/Quyết định công nhận kết quả đánh giá nghiệm thu của cấp có thẩm quyền)

- Từ sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm khoa học được giải thưởng khoa học và công nghệ (tên văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp)

- Kết quả khoa học công nghệ từ nước ngoài (hợp đồng chuyển giao công nghệ; tên văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp nếu có; nguồn gốc, xuất xứ, hồ sơ liên quan)]

12. Luận cứ về tính cấp thiết, khả thi và hiệu quả của dự án

12.1. Làm rõ về công nghệ lựa chọn của dự án (Tính mới, ưu việt, tiên tiến của công nghệ; trình độ công nghệ so với công nghệ hiện có ở Việt Nam, khả năng triển khai công nghệ trong nước, tính phù hợp của công nghệ đối với phương án sản xuất yêu cầu của thị trường,…).......................................

12.2. Lợi ích kinh tế, khả năng thị trường và cạnh tranh của sản phẩm dự án (Hiệu quả kinh tế mang lại khi áp dụng kết quả dự án; khả năng mở rộng thị trường ở trong nước và xuất khẩu: nêu rõ các yếu tố chủ yếu làm tăng khả năng cạnh tranh về chất lượng, giá thành của sản phẩm dự án so với các sản phẩm cùng loại, chẳng hạn: sử dụng nguồn nguyên liệu trong nước, giá nhân công rẻ, phí vận chuyển thấp,…)……...............................................................................................

12.3. Tác động của kết quả dự án đến kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng (Tác động của sản phẩm dự án đến phát triển KT – XH, môi trường, khả năng tạo thêm việc làm, ngành nghề mới, ảnh hưởng đến sức khỏe con người, đảm bảo an ninh, quốc phòng …) ………………………………………….

12.4. Năng lực thực hiện dự án (Mức độ cam kết và năng lực thực hiện của các tổ chức tham gia chính trong dự án: năng lực khoa học, công nghệ của người thực hiện và cơ sở vật chất – kỹ thuật, các cam kết bằng hợp đồng về mức đóng góp vốn, sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật, lao động, bao tiêu sản phẩm, phân chia lợi ích về khai thác quyền sở hữu trí tuệ, chia sẽ rủi ro)…………………..

12.5. Khả năng ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng kết quả của dự án (Nêu rõ phương án về tổ chức sản xuất; nhân rộng, chuyển giao công nghệ; thành lập doanh nghiệp mới để sản xuất – kinh doanh,...) …………………………………………………………………………………….

**II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TRIỂN KHAI DỰ ÁN**

13. Mục tiêu

13.1. Mục tiêu của dự án sản xuất [[3]](http://www.thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Quyet-dinh-59-2007-QD-BGDDT-Quy-dinh-quan-ly-du-an-san-xuat-thu-nghiem-cap-Bo-cua-Bo-Giao-duc-Dao-tao/58768/noi-dung.aspx#_ftn3#_ftn3) hoặc chuyển giao công nghệ đặt ra (Chất lượng sản phẩm; quy mô sản xuất);

13.2. Mục tiêu của dự án sản xuất thử nghiệm (Trình độ công nghệ, quy mô sản phẩm).................. .............................................................................................................

14. Nội dung

14.1. Mô tả công nghệ, sơ đồ hoặc quy trình công nghệ (là xuất xứ của dự án) để triển khai trong dự án

................................................................................................................................................

14.2. Phân tích những vấn đề mà dự án giải quyết về công nghệ (Hiện trạng của công nghệ và việc hoàn thiện, thử nghiệm tạo ra công nghệ mới nắm vững, làm chủ quy trình công nghệ và các thông số kỹ thuật; ổn định chất lượng sản phẩm, chủng loại sản phẩm; nâng cao khối lượng sản phẩm cần sản xuất thử nghiệm để khẳng định công nghệ và quy mô của dự án sản xuất thử nghiệm);

...............................................................................................................................................

14.3.Liệt kê và mô tả nội dung, các bước công việc cần thực hiện để giải quyết những vấn đề đặt ra, kể cả đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật đáp ứng cho việc thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm ..........

15. Phương án triển khai

15.1. Phương án tổ chức sản xuất thử nghiệm:

a) Phương án tổ chức thực hiện:

- Đối với đơn vị chủ trì là doanh nghiệp: cần làm rõ năng lực triển khai thực nghiệm và hoàn thiện công nghệ theo mục tiêu trong dự án; phương án liên doanh, phối hợp với các tổ chức KH&CN trong việc phát triển, hoàn thiện công nghệ;

- Đối với đơn vị chủ trì là tổ chức khoa học và công nghệ: Cần làm rõ năng lực triển khai thực nghiệm và hoàn thiện công nghệ theo mục tiêu trong dự án; việc liên doanh với doanh nghiệp để tổ chức sản xuất thử nghiệm (kế hoạch/phương án của doanh nghiệp về bố trí địa điểm, điều kiện cơ sở vật chất, đóng góp về vốn, về nhân lực, về khả năng tiêu thụ sản phẩm của dự án phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức phân chia lợi nhuận; ...............................

b) Mô tả, phân tích và đánh giá các điều kiện triển khai dự án:

- Địa điểm thực hiện dự án (nêu địa chỉ cụ thể, nêu thuận lợi và hạn chế về cơ sở hạ tầng như giao thông, liên lạc, điện nước …. của địa bàn triển khai dự án); nhà xưởng, mặt bằng hiện có (m2), dự kiến cải tạo, mở rộng, …;

- Trang thiết bị chủ yếu đảm bảo cho triển khai dự án sản xuất thử nghiệm (làm rõ những trang thiết bị đã có, bao gồm cả liên doanh với các đơn vị tham gia, trang thiết bị cần thuê, mua hoặc tự thiết kế chế tạo; khả năng cung ứng trang thiết bị của thị trường cho dự án;….);

- Nguyên vật liệu (khả năng cung ứng nguyên vật liệu chủ yếu cho quá trình sản xuất thử nghiệm, làm rõ những nguyên vật liệu cần nhập của nước ngoài; …..);

- Nhân lực cần cho triển khai dự án: số cán bộ KHCN và công nhân lành nghề tham gia thực hiện dự án; kế hoạch tổ chức nhân lực tham gia dự án; nhu cầu đào tạo phục vụ dự án (số lượng cán bộ, kỹ thuật viên, công nhân).

- Môi trường (đánh giá tác động môi trường do việc triển khai dự án và giải pháp khắc phục);

...............................................................................................................................................

15.2. Phương án tài chính (Phân  tích và tính toán tài chính của quá trình thực hiện dự án) trên cơ sở:

- Tổng vốn đầu tư để triển khai dự án, trong đó nêu rõ vốn cố định, vốn lưu động cho một khối lượng sản phẩm cần thiết trong một chu kỳ sản xuất thử nghiệm để có thể tiêu thụ và tái sản xuất cho đợt sản xuất thử nghiệm tiếp theo (trong trường hợp cần thiết);

- Phương án huy động và sử dụng các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước tham gia dự án (kèm theo các văn bản pháp lý minh chứng cho việc huy động các nguồn vốn: báo cáo tài chính của doanh nghiệp trong 2 – 3 năm gần nhất; cam kết cho vay vốn hoặc bảo lãnh vay vốn của ngân hàng; cam kết pháp lý về việc đóng góp vốn của các tổ chức tham gia dự án, …);

- Phương án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước (các nội dung chi bằng nguồn vốn này).

- Tính toán, phân tích giá thành sản phẩm của dự án (theo từng loại sản phẩm của dự án nếu có); thời gian thu hồi vốn.

Các số liệu cụ thể của phương án tài chính được trình bày tại các bảng 1-3 và các mẫu 2.1. – 2.7.)

15.3. Dự báo nhu cầu thị trường và phương án kinh doanh sản phẩm của dự án (Giải trình và làm rõ thêm các bảng tính toán và phụ lục kèm theo bảng 3, mẫu 2.9.);

- Dự báo nhu cầu thị trường (dự báo nhu cầu chung và thống kê danh mục các đơn đặt hàng hoặc hợp đồng mua sản phẩm dự án);

- Phương án tiếp thị sản phẩm của dự án (tuyên truyền, quảng cáo, xây dựng trang web, tham gia hội chợ triển lãm, trình diễn công nghệ, tờ rơi,…);

- Phân tích giá thành, giá bán dự kiến của sản phẩm trong thời gian sản xuất thử nghiệm; giá bán khi ổn định sản xuất (so sánh với giá sản phẩm nhập khẩu, giá thị trường trong nước hiện tại, dự báo xu thế giá sản phẩm cho những năm tới); các phương thức hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm dự án;

- Phương án tổ chức mạng lưới phân phối sản phẩm khi phát triển sản xuất quy mô công nghiệp

………………………………………………………………………………………

16. Sản phẩm của dự án

[Phân tích, làm rõ các thông số và so sánh với các sản phẩm cùng loại trong nước và của nước ngoài: (i) Dây chuyền công nghệ, các thiết bị, quy trình công nghệ đã được ổn định (quy mô, các thông số và tiêu chuẩn kỹ thuật); (ii) Sản phẩm đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng; (iii) Ấn phẩm; (iv) Đào tạo cán bộ; (v) Sản phẩm sản xuất thử nghiệm (chủng loại, khối lượng, tiêu chuẩn chất lượng)] …………………………………

17. Phương án phát triển của dự án sau khi kết thúc

17.1. Phương thức triển khai [Mô tả rõ phương án triển khai lựa chọn trong các loại hình sau đây: (i) Đưa vào sản xuất công nghiệp của doanh nghiệp; (ii) Nhân rộng, chuyển giao kết quả của Dự án; (iii) Liên doanh, liên kết; (iv) Thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ mới để tiến hành sản xuất – kinh doanh; (v) Hình thức khác: Nêu rõ] …………………………….……

17.2. Quy mô sản xuất (Công nghệ, nhân lực, sản phẩm,….)……………..

17.3. Tổng số vốn của dự án sản xuất………………….…………………..

**III. PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH VÀ HIỆU QUẢ CỦA DỰ ÁN**

18. Phân tích tài chính

Tổng kinh phí cần thiết để triển khai dự án sản xuất thử nghiệm = vốn cố định của dự án sản xuất + Giá trị còn lại của thiết bị và nhà xưởng đã có + Kinh phí hỗ trợ công nghệ + vốn lưu động.

\* Vốn cố định của dự án sản xuất gồm: (i) Thiết bị, máy móc đã có (giá trị còn lại); (ii) Thiết bị, máy móc mua mới, (iii) Nhà xưởng đã có (giá trị còn lại); (iv) Nhà xưởng xây mới hoặc cải tạo.

\* Vốn lưu động: chỉ tính chi phí để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất cho đợt sản xuất thử nghiệm tiếp theo.

\* Kinh phí hỗ trợ công nghệ: chi phí hoàn thiện, ổn định các thông số kinh tế - kỹ thuật.

**Bảng 1. Tổng kinh phí đầu tư cần thiết để triển khai dự án**

*Đơn vị: triệu đồng*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | Nguồn vốn | Tổng cộng | Trong  đó |
| Vốn cố định | Kinh phí hỗ trợ công nghệ | Vốn lưu động |
| Thiết bị, máy móc mua mới | Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo | Chi phí lao động | Nguyên vật liệu, năng lượng | Thuê thiết bị, nhà xưởng | Khác |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| 1 | Ngân sách SNKH:- Năm thứ nhất\*:- Năm thứ hai\*:- Năm thứ ba\*: |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 2 | Các nguồn vốn khác- Vốn tự có của cơ sở- Khác (vốn huy động, …) |   |   |   |   |   |   |   |   |
| Cộng: |   |   |   |   |   |   |   |   |

\* Chỉ dự toán khi dự án được duyệt.

**Bảng 2. Tổng chi phí và giá thành sản phẩm**

*(Trong thời gian thực hiện dự án)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Nội dung | Tổng số chi phí (1000 đ) | Trong đó theo sản phẩm | Ghi chú |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| A | Chi phí trực tiếp |   |   |   |   |   |
| 1 | Nguyên vật liệu, bao bì |   |   |   |   | Mẫu 2.1. |
| 2 | Điện, nước, xăng dầu |   |   |   |   | Mẫu 2.2. |
| 3 | Chi phí lao động |   |   |   |   | Mẫu 2.6. |
| 4 | Sửa chữa, bảo trì thiết bị |   |   |   |   | Mẫu 2.7. |
| 5 | Chi phí quản lý |   |   |   |   | Mẫu 2.7. |
| B | Chi phí gián tiếp và khấu hao tài sản cố định |   |   |   |   |   |
| 6 | Khấu hao thiết bị cho dự án- Khấu hao thiết bị cũ- Khấu khao nhà xưởng mới |   |   |   |   |  Mẫu 2.3aMẫu 2.3b |
| 7 | Khấu hao nhà xưởng cho dự án- Khấu hao nhà xưởng cũ- Khấu hao nhà xưởng mới |   |   |   |   | Mẫu 2.5. |
| 8 | Thuê thiết bị |   |   |   |   | Mẫu 2.3b |
| 9 | Thuê nhà xưởng |   |   |   |   | Mẫu 2.5. |
| 10 | Phân bổ chi phí hỗ trợ công nghệ |   |   |   |   | Mẫu 2.4. |
| 11 | Tiếp thị, quảng cáo |   |   |   |   | Mẫu 2.7. |
| 12 | Khác (trả lãi vay, các loại phí, …) |   |   |   |   | Mẫu 2.7. |
| - Tổng chi phí sản xuất thử nghiệm (A + B): |   |   |   |   |   |
| - Giá thành 1 đơn vị sản phẩm: |   |   |   |   |   |

Ghi chú:

- Khấu hao thiết bị và tài sản cố định: tính theo quy hoạch của Nhà nước đối với từng loại thiết bị của từng ngành kinh tế tương ứng.

- Chi phí hỗ trợ công nghệ: được phân bổ cho thời gian thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm và 01 năm đầu sản xuất ổn định (tối đa không quá 3 năm).

**Bảng 3. Tổng doanh thu**

*(Cho thời gian thực hiện dự án)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên sản phẩm | Đơn vị | Số lượng | Giá bán dự kiến(1000 đ) | Thành tiền(1000 đ) |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| 1 |   |   |   |   |   |
| 2 |   |   |   |   |   |
| : |   |   |   |   |   |
| Cộng: |   |

19. Hiệu quả kinh tế - xã hội

(Tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, năng lượng, giảm giá thành và tăng sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa, giảm nhập khẩu, tạo công ăn việc làm, bảo vệ môi trường) ..............................................................................

**IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

...............................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| *Bình Định, ngày… tháng… năm 20 …* **CƠ QUAN CHỦ TRÌ DỰ ÁN** *(ký, họ và tên - đóng dấu)* |  *Bình Định, ngày … tháng … năm 20 …* **CHỦ NHIỆM DỰ ÁN** *(ký, họ và tên)* |
| *… ngày … tháng … năm 20 …***TL. BỘ TRƯỞNG****VỤ TRƯỞNG VỤ KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ** |